

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 31 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 /9/ 2020

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

2. Ông **Lê Truyền Bình**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ngọc Ngân** - Cán bộ Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 08/2020/TB – TA ngày 27/08/2020; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Quỳnh Nh**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Đường M, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

* Bị đơn: Ông **Lê Nguyên L**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Đường M, phường N, quận P, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 14/05/2020, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Quỳnh Nh trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nh và ông Lê Nguyên L kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì đến tháng 11 năm 2017 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không có sự đồng cảm trong cuộc sống, ông L làm nghề lái xe du lịch nên hầu như vắng nhà và cũng không có sự quan tâm, chăm sóc đến gia đình. Khi bà Nh sinh con thứ hai thì ông L có sự chia rẽ hai đứa con qua cách yêu thương, cháu đầu thì cưng chiều dẫn đến cháu hư hỏng, con mới sinh thì nạt nộ, đánh đập. Mâu thuẫn vợ chồng cứ vậy ngày càng trầm trọng và không có tiếng nói chung. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn rất trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Nguyên L.

- *Về con chung:* Bà xác định bà và ông Lê Nguyên L có 02 con chung tên là Lê Khải L - sinh ngày 18.04.2015 và Lê Khải Q - sinh ngày 20.08.2017. Ly hôn, bà Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Khải L và Lê Khải Q vì các lý do: Hiện nay, 02 con chung đang còn quá nhỏ, từ trước đến nay đều do bà chăm sóc, bà Nh có công việc

ổn định tại ngân hàng Á Châu, làm công trong giờ hành chính có điều kiện để đưa đón và chăm sóc con, thu nhập ổn định. Trong khi đó ông Lê Nguyên L làm công việc lái xe cho công ty du lịch nên phải đưa đón khách, thường xuyên vắng nhà nên không có thời gian để chăm sóc con. Bà Nh yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/ 01con/tháng) cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trương Thị Quỳnh Nh thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/ 1 con/tháng) cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại đơn trình bày đề ngày 08/06/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Nguyên L trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Nguyên L và bà Trương Thị Quỳnh Nh kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo ông L thì mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ mâu thuẫn từ giữa bà Nh và mẹ ruột của ông L, ông là người đứng giữa nên rất khó phân xử, giữa ông và bà Nh không cùng quan điểm sống. Ông thừa nhận có những khuyết điểm trong cuộc sống vợ chồng, trong cách nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, do đặc thù công việc hay đi xa nên đối với con Lê Khải L ông hay chiều chuộng, nhưng ông đã thay đổi tính cách và dạy dỗ con cái. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ nói qua nói lại trong gia đình, không có gây mất trật tự thôn xóm nên không ai biết. Ông L thừa nhận hiện nay vẫn còn tình cảm với bà Nh. Tuy nhiên, nay bà Nh xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Ông xác định giữa ông L và bà Nh có 02 con chung tên:

1. Lê Khải L - sinh ngày 18.04.2015.

2. Lê Khải Q - sinh ngày 20.08.2017.

Ly hôn, ông Lê Nguyên L yêu cầu được trực tiếp nuôi con Lê Khải L và bà Trương Thị Quỳnh Nh trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Khải Q. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Ông L trình bày ông là nhân viên lái xe cho hợp tác xã cùng kinh doanh, tại địa chỉ: 50 Tôn Thất Thuyết, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, chuyên đưa khách trong và ngoài nước du lịch nên cũng đi sớm và về muộn, có khi phải ở lại đêm tùy theo tour du lịch. Hiện nay, anh vẫn đang làm cho hợp tác xã cùng kinh doanh, thời gian này do dịch bệnh nên không có khách nên ông có thời gian nhiều để chăm sóc con và tới đây ông sẽ xin nghỉ việc chạy xe du lịch để xin vào chạy xe đưa đón học sinh cho một trường nào đó nên sẽ có thời gian để chăm sóc con cái.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Lê Nguyên L không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết mà tự hai vợ chồng tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Quỳnh Nh và ông Lê Nguyên L tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào lời khai của bà Trương Thị Quỳnh Nh và ông Lê Nguyên L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì thấy rằng: Giữa bà Nh, ông L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Nh là do vợ chồng không có sự đồng cảm trong cuộc sống, ông L làm nghề lái xe du lịch nên hầu như vắng mặt và cũng không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ chồng bất đồng với nhau trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái. Ông L thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc bà Nh mâu thuẫn với mẹ ruột của ông L. Ông L thừa nhận do đặc thù công việc hay đi xa nên giữa vợ chồng có sự bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái dẫn đến lâu ngày mâu thuẫn càng trầm trọng thêm.

Nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trương Thị Quỳnh Nh và ông Lê Nguyên L thực sự đã trầm trọng, sự quan tâm yêu thương lẫn nhau đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trương Thị Quỳnh Nh và ông Lê Nguyên L cũng thống nhất việc thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Quỳnh Nh và ông Lê Nguyên L là có căn cứ.

Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị Quỳnh Nh và ông Lê Nguyên L xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên:

1. Lê Khải L - sinh ngày 18.04.2015.
2. Lê Khải Q - sinh ngày 20.08.2017.

Ly hôn, bà Trương Thị Quỳnh Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Khải L và Lê Khải Q. Tại phiên tòa bà Nh thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con/tháng) cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Đối với ông Lê Nguyên L ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con Lê Khải L và bà Trương Thị Quỳnh Nh trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Khải Q. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Xét yêu cầu được nuôi con của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với 02 con Lê Khải L và Lê Khải Q hiện nay đang còn nhỏ, từ trước đến nay đều chủ yếu do bà Nh chăm sóc, nuôi dạy. Bà Nh làm công việc giờ hành chính, thu nhập ổn định nên có thời gian chăm sóc, đưa đón con ăn học hơn ông L. Trong khi ông L do đặc thù công việc lái xe du lịch nên hay đi sớm về muộn, có khi đi dài ngày mới về tùy theo tour du lịch theo như trình bày của ông L. Tại phiên tòa ông L trình bày ông đang gửi hồ sơ xin việc tại một trường trên địa bàn Đà Nẵng với công việc đưa đón học sinh cho ổn định thời gian để có thời gian chăm sóc con, tuy nhiên ông L không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông L đủ điều kiện để chăm con tốt nhất. Do đó, xét thấy việc giao con Lê Khải L cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của ông L là không khả thi trên thực tế. Để đảm bảo việc ăn học, không làm xáo trộn cuộc sống, sự phát triển của 02 con Lê Khải L và Lê Khải Q, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Quỳnh Nh là được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Lê Khải L và Lê Khải Q là phù hợp, có cơ sở.

Xét yêu cầu ông Lê Nguyên L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/ 01 con/ tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi của bà Trương Thị Quỳnh Nh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức yêu cầu cấp dưỡng số tiền mỗi

con 1.500.000 đồng/01 con/tháng của bà Nh là thiết yếu cho việc ăn, học của 02 con Lê Khải L và Lê Khải Q. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L trình bày ông làm nghề lái xe du lịch, không có hợp đồng lao động, thu nhập hàng tháng tùy thuộc theo công việc nhiều hay ít, thời gian không cố định nhưng thu nhập ít nhất mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng. Mức yêu cầu ông Lộc cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con/ tháng) của nguyên đơn bà Trương Thị Quỳnh Nh là phù hợp với điều kiện của người cấp dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Quỳnh Nh buộc ông Lê Nguyên L cấp dưỡng nuôi 02 con Lê Khải Lâm và Lê Khải Quân mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01con/ tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi là có căn cứ.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị Quỳnh Nh và ông Lê Nguyên L không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trương Thị Quỳnh Nh phải chịu. Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Lê Nguyên L phải chịu.

[5] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Về chấp hành pháp luật tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Quỳnh Nh và ông Lê Nguyên L. Giao 02 con Lê Khải L, Lê Khải Q cho bà Trương Thị Quỳnh Nh trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông Lê Nguyên L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01con/ tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi theo yêu cầu của bà Nh là có căn cứ. Đối với tài sản chung, nợ chung do đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn*” của bà Trương Thị Quỳnh Nh đối với ông Lê Nguyên L.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận bà Trương Thị Quỳnh Nh và ông Lê Nguyên L thuận tình ly hôn.

- **Về quan hệ con chung:** Xử: Giao con Lê Khải L - sinh ngày 18.04.2015 và con Lê Khải Q - sinh ngày 20.08.2017 cho bà Trương Thị Quỳnh Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Nguyên L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01con/tháng) cho đến khi các con chung Lê Khải L và Lê Khải Q lần lượt đủ 18 tuổi.

Ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự thực hiện theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Quỳnh Nh và ông Lê Nguyên L không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trương Thị Quỳnh Nh phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0009085 ngày 19/05/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu (Bà Nhi đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm). Ông Lê Nguyên L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tùng Lê Truyền Bình

Trương Thanh Phúc

